CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

Ngày 31/12/2025	20,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**3.0%**

DT thuần
Q4/25
229
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.0| 68.6%
YoY: ▼10.0| -4.1%

LN thuần
Q4/25
36.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.6| -22.3%
YoY: ▼0.60| -1.6%

LN sau thuế
Q4/25
29.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.90| -23.0%
YoY: ▼0.20| -0.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
22.2%
YoY: +/-▲ 9.2%

ROE
2025
27.0%
YoY: +/-▲ 2.2%

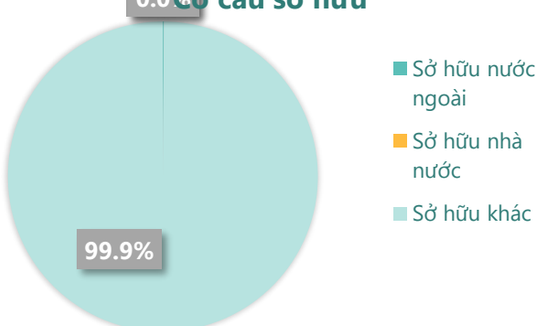
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,750 - 46,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	479
Số lượng CPLH (CP)	23,475,456
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,830
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.72
EPS	3,438
P/E	5.9

DT thuần
2025
487
tỷ VNĐ
YoY: ▼80.0| -14.2%

LN thuần
2025
98.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.1| 57.6%

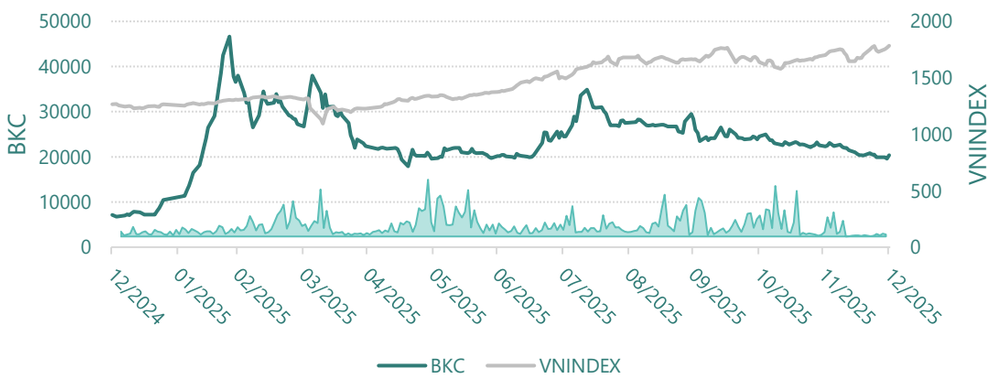
LN sau thuế
2025
81.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.3| 56.5%

Cơ cấu sở hữu

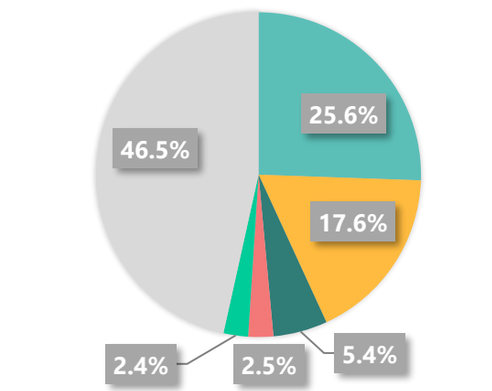


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



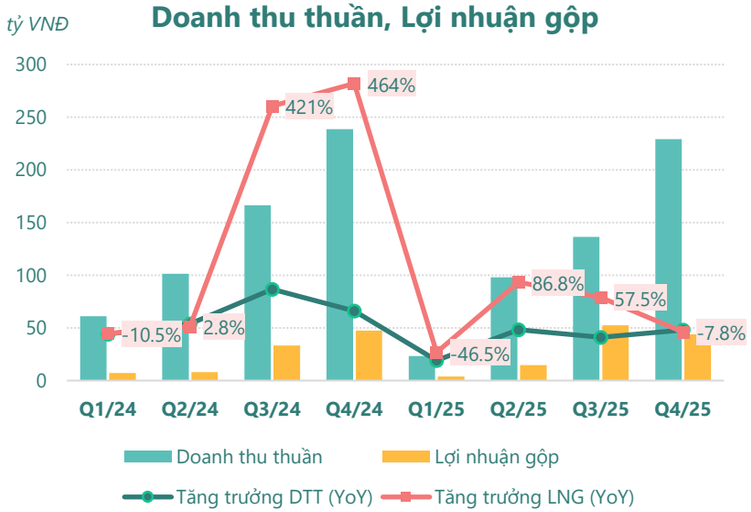
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

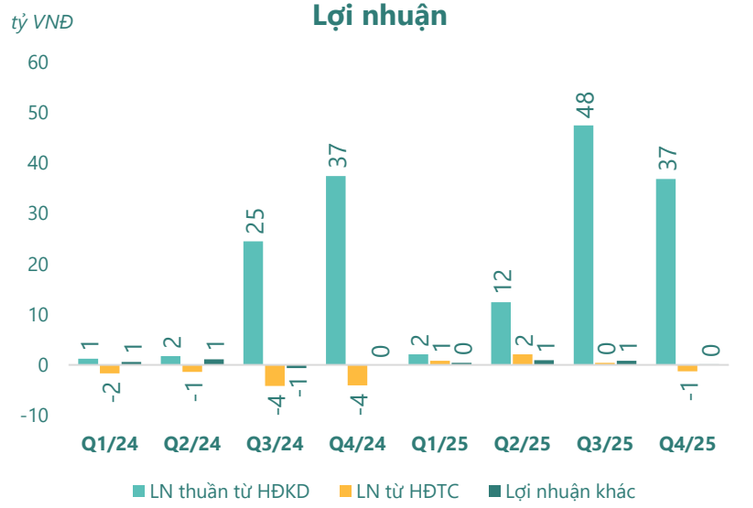
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



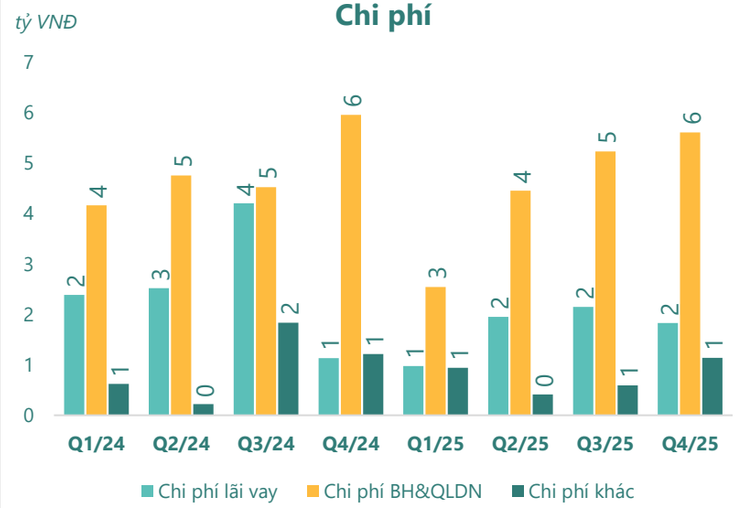
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



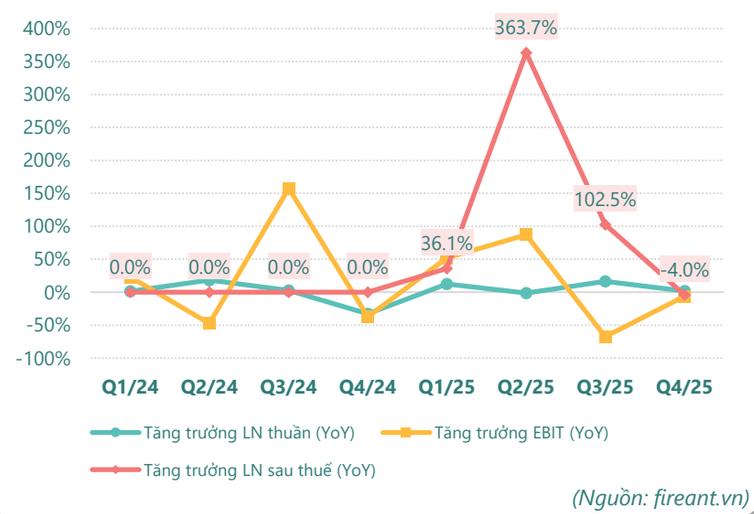
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



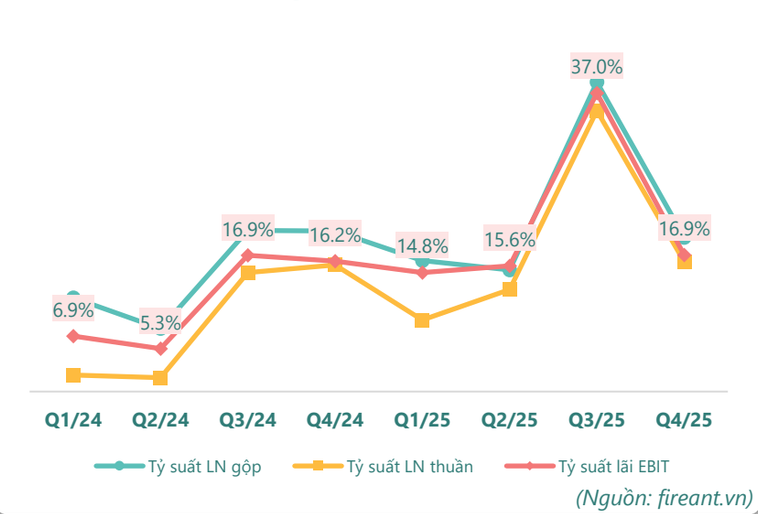
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



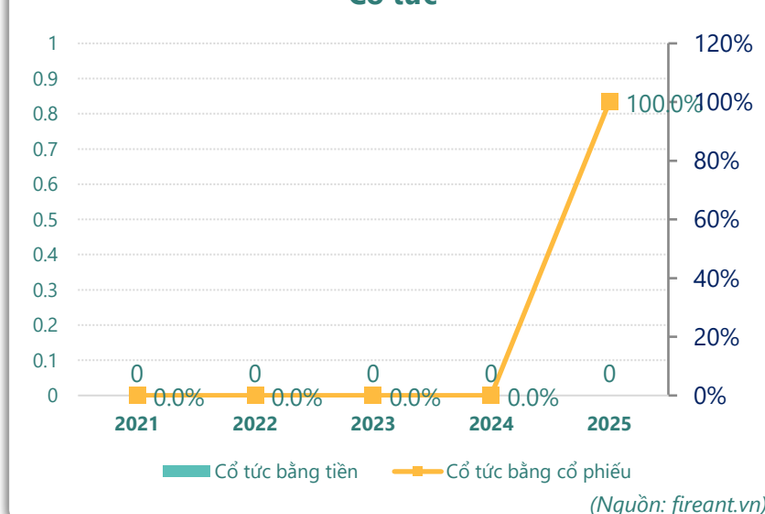
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

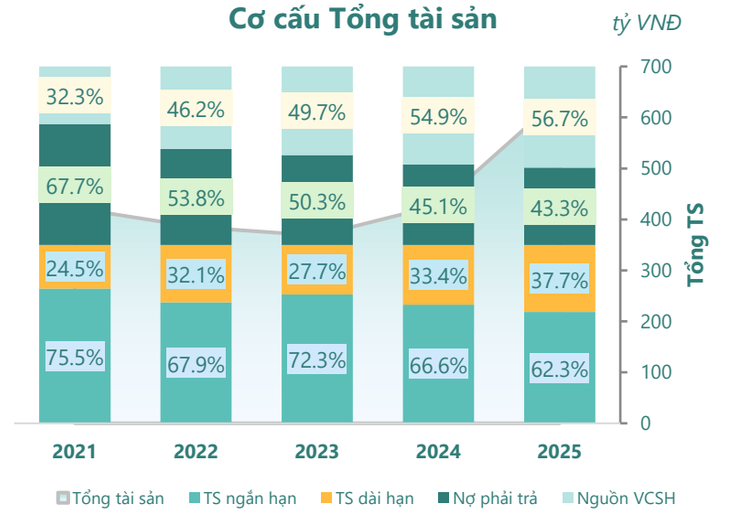
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

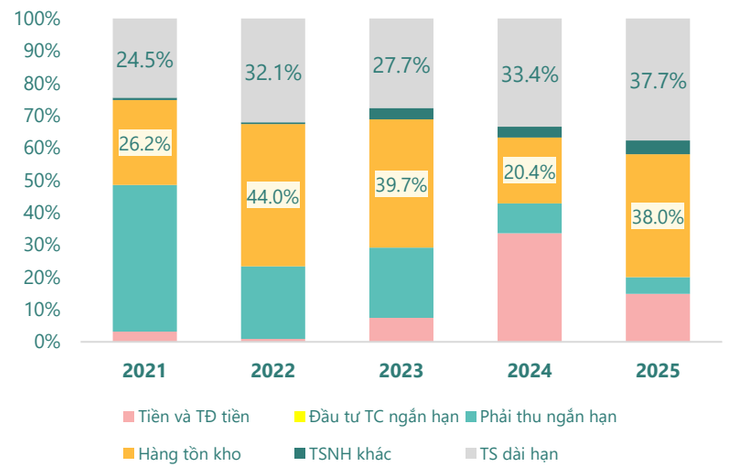
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



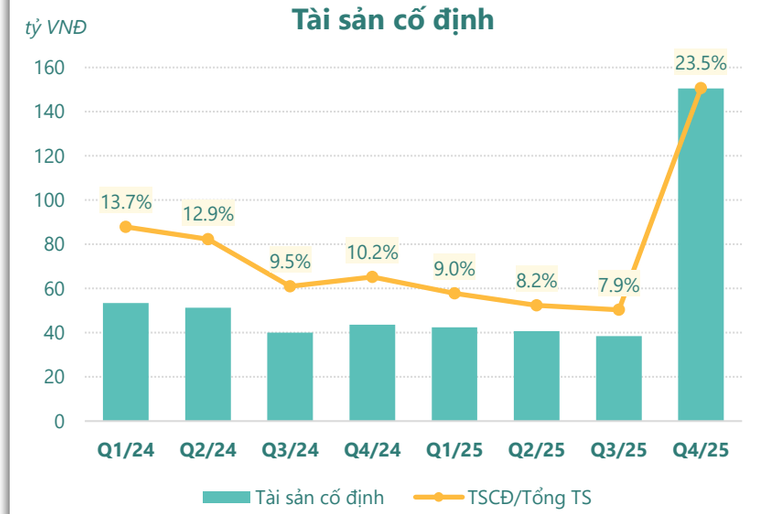
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



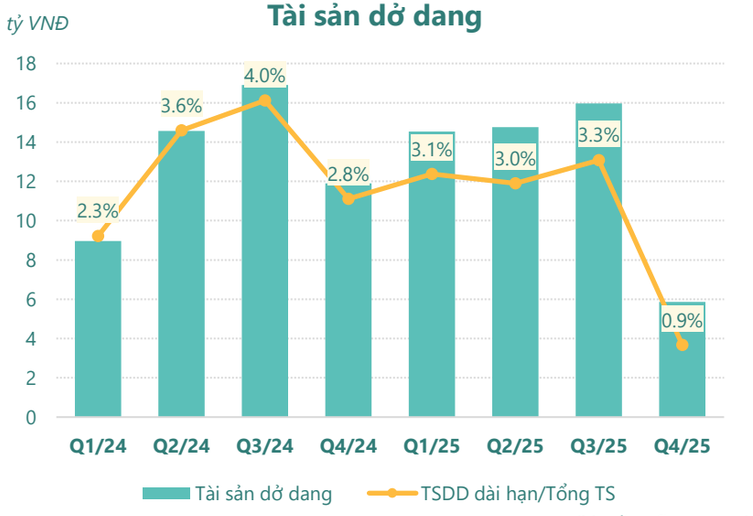
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



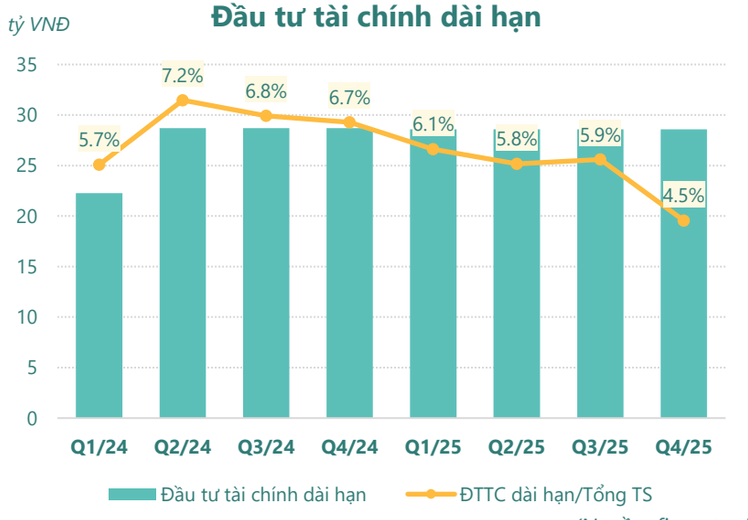
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



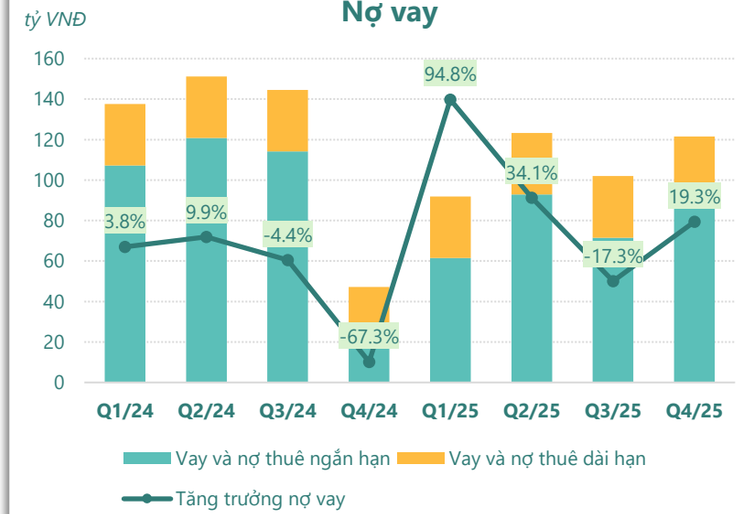
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

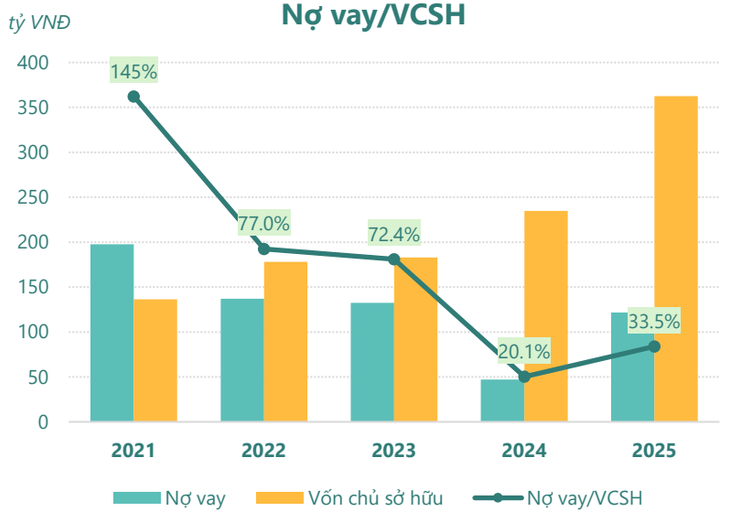
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

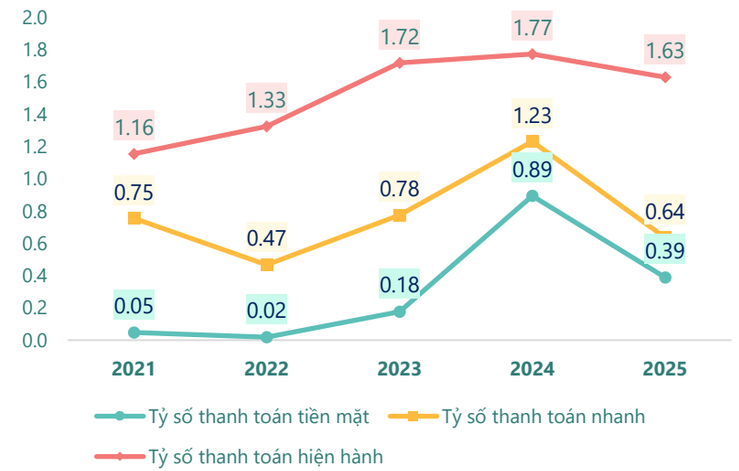
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



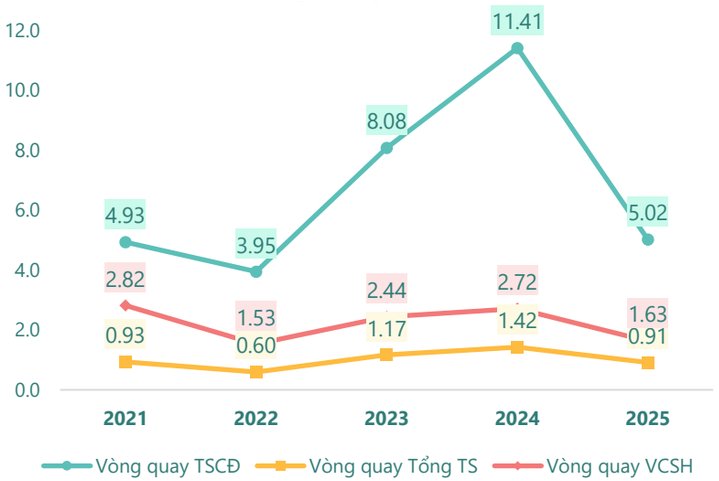
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



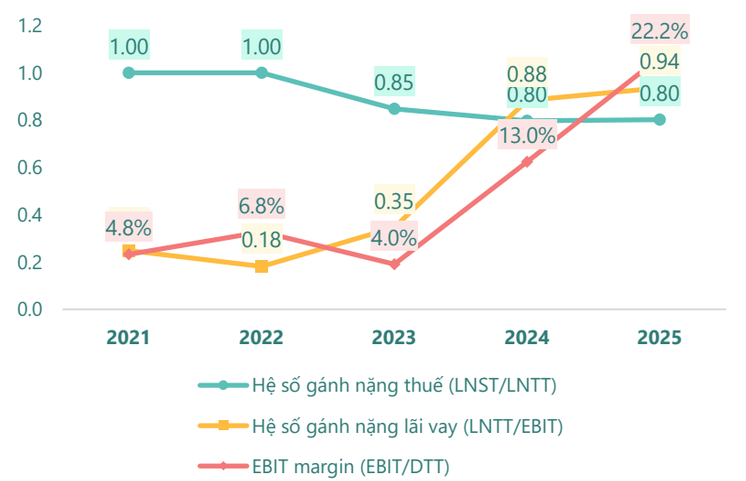
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



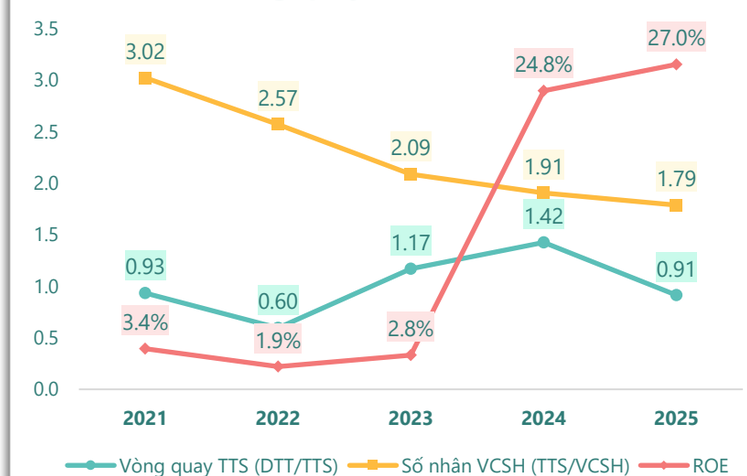
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



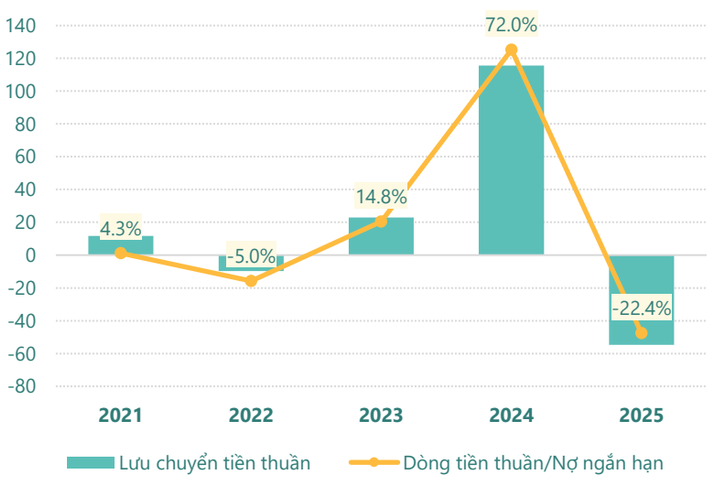
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**229**	**239**	**-4.1%**	**487**	**567**	**-14.2%**
Giá vốn hàng bán	185	191	-2.9%	372	478	-22.0%
Lợi nhuận gộp	43.8	47.5	-7.8%	115	89.9	27.6%
Doanh thu HĐTC	0.56	0.82	-31.9%	9.10	2.64	245%
Chi phí TC	1.84	4.91	-62.5%	7.06	10.4	-32.0%
Chi phí lãi vay	1.83	1.13	61.9%	6.91	8.56	-19.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.62	0.86	-27.6%	2.76	3.06	-9.8%
Chi phí QLDN	**4.99**	**5.10**	**-2.1%**	**15.1**	**16.4**	**-7.7%**
LN thuần từ HĐKD	36.9	37.5	-1.6%	98.9	62.8	57.6%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**0.02**	**463%**	**2.25**	**2.29**	**-1.8%**
LN trước thuế	37.0	37.5	-1.3%	101	65.1	55.5%
Lợi nhuận sau thuế	**29.8**	**30.0**	**-0.6%**	**81.2**	**51.9**	**56.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**29.4**	**30.0**	**-2.1%**	**80.7**	**51.9**	**55.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	41.2	158	-85.0	-39.9	-35.9	34.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.33	-7.36	-72.3	-1.94	72.2	-0.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.69	-97.3	44.7	31.4	-21.4	19.6
Tiền đầu kỳ	52.3	89.5	144	32.8	24.9	41.7
Lưu chuyển tiền thuần	**38.9**	**53.6**	**-113**	**-10.4**	**15.0**	**53.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.69	0.60	1.65	2.57	1.81	0.06
Tiền cuối kỳ	89.5	144	32.8	24.9	41.7	95.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**639**	**428**	**49.3%**
Tài sản ngắn hạn	398	285	39.8%
Tiền và tương đương tiền	95.2	144	-33.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	32.5	39.5	-17.6%
Hàng tồn kho	243	87.1	179%
Tài sản ngắn hạn khác	27.7	14.7	89.1%
Tài sản dài hạn	**241**	**143**	**68.3%**
Phải thu dài hạn	2.81	2.14	31.4%
Tài sản cố định	151	43.6	245%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.86	11.9	-50.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	28.6	28.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**53.1**	**56.8**	**-6.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	277	193	43.4%
Nợ ngắn hạn	**244**	**161**	**52.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.2	16.8	442%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.8	93.6	-10.4%
Nợ dài hạn	32.4	32.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**362**	**235**	**54.3%**
Vốn chủ sở hữu	**362**	**235**	**54.3%**
Vốn điều lệ	235	117	100%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)